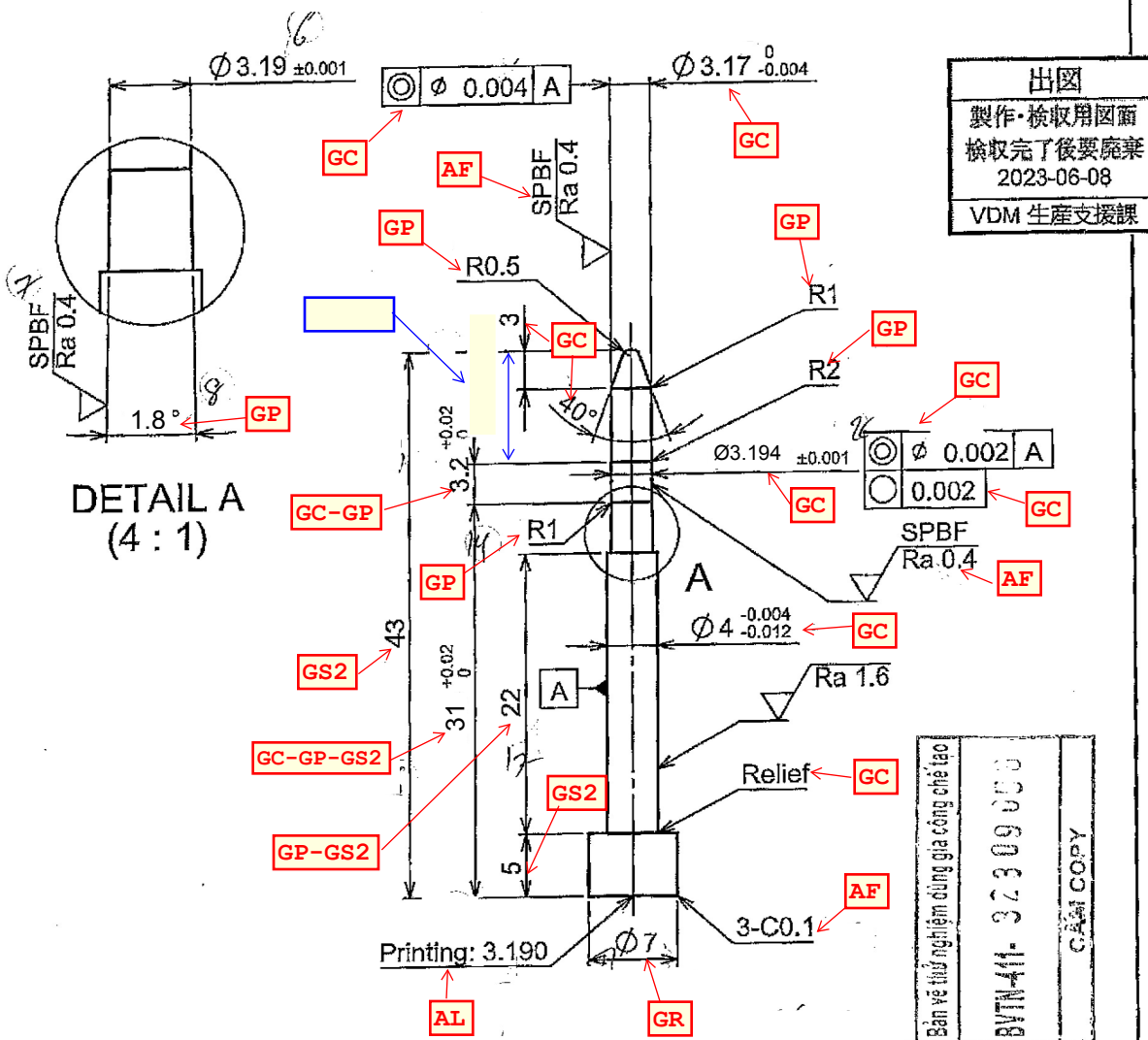


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
1	2019-07-08	New Production	DVB-0007	an_Hoang_Phuc	Tran_Khanh	Dong_Khanh	0.5 ± 0.1
							6 < ≤ 30 ± 0.2
							30 < ≤ 120 ± 0.3
							120 < ≤ 400 ± 0.4
							TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JS B 04/5 JS B 04/19 &
							FINISH MARKS



R1, R2 Polishing to eliminate the step

414 306 0106

CHKD.	MATERIAL	SCALE	TITLE	PARTS NAME
ong_Khac_Tu	WC(D30)	2:1	部品図	サイジングピン
an_Hoang_Phuc			PART DRAWING	SIZING PIN
			PART DRAWING	整形銷
			PART DRAWING	整形銷
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.
an_Hoang_Phuc	HRC °-°	A4	2019/07/08	R316882

SNO: **R316882**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 Ø7*55	GR:40 GS1:10 GC:135 GP:90 GS2:20 AF:10 AL:5 KT